

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/DSPT

Ngày 23/4/2019

V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Tính

2. Ông Nguyễn Anh Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền – Thư ký TAND tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 3 năm 2019 và ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 10/2018/TLPT-DS ngày 05/12/2018 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2018/DS-ST, ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố BN, tỉnh BN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2019/QĐ-PT ngày 11/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh BN, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1947. Có mặt.

Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1952. Vắng mặt.

(Bà Nguyễn Thị Q ủy quyền cho ông Nguyễn Trọng T).

Cùng địa chỉ: Thôn TB, xã NS, thành phố BN, tỉnh BN.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1964. Có mặt.

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964. Vắng mặt.

(Bà Nguyễn Thị N ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Th).

Cùng địa chỉ: Thôn TB, xã NS, thành phố BN, tỉnh BN.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Th: Bà Lê Thị D- Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư AG– Đoàn luật sư thành phố HN. Có mặt.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986.

(Anh T2 và chị H ủy quyền cho ông T).

3. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988.

4. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990.

5. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1992.

6. Anh Nguyễn Văn C2, sinh năm 2000.

(Chị Th, chị L, anh C, anh C2 ủy quyền cho Ông Th).

Đều trú tại: Thôn TB, xã NS, thành phố BN, tỉnh BN.

7. Ủy ban nhân dân thành phố BN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức Đ– Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công V– Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi Trường thành phố BN; ông Nguyễn Vũ K– Giám đốc chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai thành phố BN. (Theo giấy ủy quyền số 1765 ngày 12/7/2017). Vắng mặt.

Những người có kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau: *Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T trình bày:* Gia đình ông có thửa đất liền kề với gia đình Ông Nguyễn Văn Th cùng Thôn TB, xã NS, thành phố BN, tỉnh BN là thửa đất số 67, tờ bản đồ số 29, diện tích là 644m² (diện tích theo bản đồ năm 2003 là 773m²), gia đình ông sử dụng ổn định từ năm 1987 cho đến nay.

Năm 2007 gia đình ông phá ngôi nhà cũ và làm nhà kiên cố cho con trai. Trong khi xây dựng gia đình ông có để lại một phần đất làm rãnh thoát nước từ nhà vệ sinh tự hoại ra rãnh tiêu, đồng thời để trở cửa sổ cho thoáng mát và nắp đặt điều hòa, cũng vì cần phải lấy hướng nhà nên phần đất trống chạy dọc nhà mới xây, có hình tam giác vuông cạnh hướng Đông dài 25,5m và cạnh hướng Nam dài 1,25m có diện tích khoảng 15,9m².

Đối với phần diện tích đất trống giáp nhà Ông Th vẫn còn một phần tường bao cũ của gia đình nhà ông chưa phá. Đến ngày 22/01/2015 gia đình Ông Th đã phá vảnh lao đang trước để xây lại. Ông Th đã phá cả đoạn tường của nhà ông dài chừng 01m, cao 02m và xây tường đè lên đất nhà ông (cụ thể chiều dài 25,5m; chiều rộng 1,25m có diện tích là 15,9m²), giá trị phần đất bị lấn chiếm khoảng 100.000.000đ. Khi phát hiện việc Ông Th phá tường, ông đã yêu cầu Ông Th dừng lại ngay, song Ông Th vẫn cố tình không nghe còn có thái độ, hành động thiếu đạo đức. Nên ông đã làm đơn gửi UBND xã Nam Sơn để giải quyết song không thành. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc gia đình Ông Th phải trả cho gia đình ông 15,9m² đất bị lấn chiếm.

Bà Nguyễn Thị Q trình bày: Bà được biết ông Nguyễn Trọng T đang có đơn khởi kiện Ông Th phải trả cho gia đình bà diện tích là 15,9m² đất để gia đình bà làm lối thoát nước ra phía sau nhà, vì gia đình Ông Th đã xây lấn sang đất nhà bà. Nay bà đồng ý với ý kiến trình bày tại Tòa án của ông T, đồng thời, bà ủy quyền toàn bộ cho ông T tham gia tố tụng tại Tòa án. Ngoài ra, bà không có ý kiến gì thêm.

Phía bị đơn là Ông Nguyễn Văn Th trình bày: Gia đình nhà ông và gia đình nhà ông T liền kề nhau. Ông trình bày năm 2014 gia đình ông xây tường vảnh bao và ông xây đúng phần đất nhà ông được sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình ông theo sổ cũ cấp ngày 26/12/1996 là 4149m² (bao gồm cả đất canh tác), vào khoảng năm 2011, 2012 sáp nhập về thành phố **BN** địa phương có chủ trương đổi sổ đỏ, hiện nay theo diện tích sổ mới gia đình ông phải nộp thuế hàng năm là 574m². Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình ông chưa nhận được, thuế vẫn đóng hàng năm đầy đủ theo diện tích 574m², do đó ông làm nhà đúng phần đất nhà ông và đã được cấp có thẩm quyền cấp.

Về nguồn gốc đất nhà ông T mà ông T cho rằng gia đình nhà ông lấn 15,9 m² ông cho rằng vào năm 1987 gia đình ông T làm đơn mượn đất của địa phương diện tích bao nhiêu ông không rõ. Trong quá trình mượn đất ông T đã hợp pháp hóa thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 620 m², xong ông T lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 644 m². Nay ông T yêu cầu gia đình ông phải trả cho ông T một phần đất có chiều rộng 1,25 m, chiều dài 25m diện tích là 15,9 m² ông không đồng ý vì gia đình ông không xây lấn đất nhà ông T. Cũng tại phiên tòa Ông Th cho rằng Công ty TNHH tư vấn dịch vụ kỹ thuật tài nguyên và môi trường Lương Ân đo đạc là không đúng và không chính xác xong ông cũng không có đơn yêu cầu Công ty Lương Ân giải thích, ông cho rằng bản thân ông không yêu cầu đo đạc.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Ông Nguyễn Văn Th có đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 858542 do Ủy ban nhân dân thành phố **BN** cấp ngày 28/6/2012 cấp cho hộ ông Nguyễn Trọng T.

Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà được biết ông T đang có đơn khởi kiện gia đình bà phải trả cho ông T diện tích là 15,9m² có chiều rộng 1,25 m, chiều dài 25 m là không có cơ sở vì gia đình bà không lấn sang đất nhà ông T. Mặt khác gia đình ông T xây trước gia đình bà xây sau. Do công việc bận bà ủy quyền toàn bộ cho Ông Th tham gia tố tụng tại Tòa án, ý kiến của Ông Th cũng là ý kiến của bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh Tú, chị Hồng trình bày: anh chị được biết ông Nguyễn Trọng T là bố đẻ và bố chồng anh Tú chị Hồng đang có đơn khởi kiện gia đình Ông Th phải trả cho ông T diện tích là khoảng 25 m² đất tại Thôn TB, xã NS, thành phố **BN**, tỉnh **BN**. Do công việc anh Tú chị Hồng không đến Tòa án làm việc được anh Tú chị Hồng đều ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng tại Tòa án.

Chị Thành, chị Liên, anh Cương, anh Cường trình bày: Chị Thành, chị Liên, anh Cương, anh Cường được biết ông Nguyễn Trọng T đang có đơn khởi kiện Ông Nguyễn Văn Th là bố đẻ anh chị phải trả cho ông T diện tích là 15,9 m² có chiều rộng 1,25 m, chiều dài 25 m tại Thôn TB, xã NS, thành phố **BN**, các anh, các chị đều không đồng ý bởi lẽ gia đình ông T là người xây trước gia đình nhà các anh, chị là người xây sau, nay do công việc bận, chị Thành, Liên anh Cương và anh Cường đều ủy quyền cho Ông Th tham gia tố tụng tại Tòa án mọi ý kiến của Ông Th cũng là ý kiến của các anh, các chị.

Ông Vạn, Ông Kiên trình bày: Ông Nguyễn Văn Th trú tại Thôn TB, xã NS, thành phố **BN**, tỉnh **BN** có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 858542 do Ủy ban nhân dân thành phố **BN**, tỉnh **BN** cấp ngày 28/6/2012 cho hộ ông Nguyễn Trọng T tại Thôn TB, xã NS, thành phố **BN**, tỉnh **BN**. Ông Vạn, Ông Kiên đều trình bày: Vào năm 2003 khi đo đạc thì Ông Nguyễn Văn Th đã ký giáp danh các hộ liền cho gia đình ông Nguyễn Trọng T với diện tích là 773 m² (biên bản lập ngày 08/7/2003) đến năm 2011 bản đồ chỉnh lý và biên tập lại thửa đất trên tách thành thửa đất số 67 là 644m², thửa đất số 94 là 129 m², về hình thể kích thước các cạnh không thay đổi vì vậy không phải ký giáp danh.

Nay quan điểm của UBND thành phố **BN**, tỉnh **BN** vẫn giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH858542 ngày 28/6/2012 cấp cho hộ ông Nguyễn Trọng T với diện tích là 644 m² tại Thôn TB, xã NS, thành phố **BN**, tỉnh **BN**.

Về nguyên nhân có sự chênh lệch diện tích cũ 620 m² nay mới là 644m², cơ sở chỉnh lý bản đồ mới theo hình thể, chiều dài các cạnh của bản đồ năm 1995 làm cơ sở để chỉnh lý thì chiều dài cạnh của hộ ông T lấy đúng bản đồ cũ còn diện tích chênh lệch 24 m² do sai số đo đạc do bản đồ cũ phương pháp tính diện tích thủ công, nay cấp đổi lại chỉnh lý bản đồ trên cơ sở năm 2003, năm 2011 bản đồ xã Nam Sơn trong đó có thửa đất của hộ ông T được chỉnh lý trên bản đồ số theo hệ tọa độ VN 2000 diện tích thửa đất được tính bằng công nghệ số của máy tính.

Từ những nội dung nêu trên bản án sơ thẩm đã căn cứ các Điều 167, 175, 176 của Bộ luật dân sự; Điều 143, 144, 145, 147, 155, 156, 157, 163, 164, 165, 166, 227, 228, 235, 264, 266, 267 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T.

Xử: Buộc Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị Q diện tích là 13,12m² đất tại Thôn TB, xã NS, thành phố **BN**, tỉnh **BN** có các tứ cận hướng Đông Nam giáp đường lên chùa Hàm Long, hướng Bắc giáp núi, hướng Đông giáp đất nhà Ông Th, hướng Tây giáp đất nhà ông Đại.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/11/2018 Ông Nguyễn Văn Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Nguyễn Trọng T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Ông Nguyễn Văn Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh **BN** tham gia phiên tòa đưa ra quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự pháp luật quy định của pháp luật

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, 310, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Hủy bản án sơ thẩm xử bản án dân sự sơ thẩm số 25/2018/DS-ST, ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố **BN**, tỉnh **BN**.

- Ông Th không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy: Thửa đất số 67 tờ bản đồ số 29 của hộ ông Nguyễn Trọng T và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 29 của hộ Ông Nguyễn Văn Th tại Thôn TB, xã NS, thành phố **BN**, tỉnh **BN** là hai thửa đất tiếp giáp nhau. Theo ông T thì năm 2007 gia đình ông T phá nhà cũ và làm nhà kiên cố cho con trai, vì làm nhà để lấy hướng và để một lối đất làm rãnh thoát nước từ nhà vệ sinh tự hoại ra rãnh tiêu, mặt khác còn để mở cửa sổ cho thoáng mát và nắp đặt điều hòa nhiệt độ nên gia đình ông có chừa lại một phần đất tiếp giáp với đất nhà Ông Th. Phần đất trống dọc theo nhà ông T có hình tam giác vuông hướng Đông Bắc có cạnh 25,50m x 1,25m= diện tích 15,9m². Đầu năm 2015 gia đình Ông Th phá vảnh lao động trước để xây lại nên đã phá cả đoạn tường nhà ông dài chừng 1,0 mét, cao 2,0 mét và xây tường đè lên đất nhà ông. Theo Ông Th thì nhà ông xây sau, còn nhà ông T xây dựng các công trình trước, đồng thời diện tích đất sử dụng hợp pháp của nhà ông T chưa rõ ràng cần phải xem xét lại nên ông cho rằng gia đình ông xây dựng đúng ranh giới đất, không lấn chiếm đất của nhà ông T. Do các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp nên ông T đã khởi kiện ra Tòa án. Tòa án nhân dân thành phố **BN**, tỉnh **BN** đã thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ông Nguyễn Văn Th có đơn kháng cáo, xem xét đơn kháng cáo của đương sự Hội đồng xét xử thấy:

Về tố tụng:

Thứ nhất, theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T đề ngày 04/7/2016 thể hiện ông T là người khởi kiện, người bị kiện là Ông Nguyễn Văn Th. Trong các giai đoạn tố tụng ông T không thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, không thay đổi bổ sung, người bị kiện, Tòa án thông báo cho ông T thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án lại xác định bà Nguyễn Thị Q (vợ ông T) là đồng nguyên đơn, bà Nguyễn Thị N (vợ Ông Th) là đồng bị đơn. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị Q là đồng nguyên đơn, bà Nguyễn Thị N là đồng bị đơn là không đúng theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T và quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thứ hai, theo đơn phản tố ngày 15/5/2017 của Ông Nguyễn Văn Th đề nghị Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 858542 của UBND thành phố **BN** cấp ngày 28/6/2012 cho hộ ông Nguyễn Văn Tạ. Ngày 23/5/2017 Tòa

án thành phố **BN** ra quyết định thông báo nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí đối với Ông Nguyễn Văn Th, cũng trong ngày 23/5/2017 Tòa án ra quyết định ra thông báo thụ lý vụ án đối với yêu cầu phản tố của Ông Th. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tố tụng để xem xét giải quyết yêu cầu của ông T, tuy nhiên tại bản án sơ thẩm số 25/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố **BN** lại không xem xét giải quyết đối với yêu cầu của Ông Th trong vụ án, tại phần quyết định của bản án không tuyên xử chấp nhận hay bác yêu cầu này. Như vậy, việc quyết định của bản án sơ thẩm không xem xét yêu cầu của đương sự là bỏ lọt yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử thấy, việc bỏ lọt yêu cầu của đương sự của bản án sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể đặt ra xem xét giải quyết trong bản án phúc thẩm được. Nếu xem xét giải quyết yêu cầu của đương sự thì sẽ làm mất quyền kháng cáo của đương sự, vi phạm nguyên tắc hai cấp xét xử. Đây là vi phạm nghiêm trọng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Thứ ba, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào mốc chân tường cũ do ông T nêu để làm căn xác định mốc giới giữa hai nhà. Tuy nhiên, mốc giới tường có lịch sử tồn tại như thế nào, đâu là phần tường của nhà ông T, đâu là phần tường của nhà Ông Th thì Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định rõ; Đối với việc thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp thì tại biên bản thẩm định cũng không chỉ rõ được phần đất tranh chấp của các bên, mà chỉ nêu chung chung “theo trình bày của đương sự” và căn cứ vào sơ đồ do Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ kỹ thuật Tài Nguyên và Môi Trường Lương Ân (nay là Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ kỹ thuật Tài Nguyên và Môi Trường **BN**) từ đó đã xác định phần diện tích phần đất tranh chấp là 13,12m². Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh **BN** có văn bản yêu cầu Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ kỹ thuật Tài Nguyên và Môi Trường Lương Ân xác định lại phần diện tích đất tranh chấp thì diện tích đất có tranh chấp lại là 10.5m². Như vậy, trong quá trình thu thập, tài liệu chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều vi phạm, không tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự thu thập chứng cứ.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra quyết định Tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 02/2016/QĐST-DS ngày 07/11/2016 với lý do là “Cần đợi kết quả của cơ quan khác”. Đến ngày 09/01/2017 Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 16/2016/QĐ-TA với căn cứ “lý do tạm đình chỉ giải quyết vụ án không còn”. Tuy nhiên, xem xét quá trình giải quyết vụ án của cấp sơ thẩm thì thấy, khi thực hiện việc tạm đình chỉ vụ án Tòa án chỉ nêu là “Cần đợi kết quả của cơ quan khác” nhưng việc đợi kết quả của cơ quan nào? Với nội dung gì là không thể hiện trong hồ sơ, bên cạnh đó khi tiếp tục giải quyết vụ án Tòa án cũng chỉ nêu chung chung là “lý do tạm đình chỉ giải quyết vụ án không còn” thực tế thì từ khi tạm đình chỉ giải quyết vụ án đến khi có quyết định tiếp tục giải quyết vụ án Tòa án

không thực hiện bất cứ hoạt động tố tụng nào, cũng như việc đã nhận được kết quả trả lời của cơ quan nào. Như vậy, việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án của cấp sơ thẩm là không có căn cứ. Hơn nữa, theo đơn phản tố ngày 15/05/2017 của Ông Nguyễn Văn Th đề nghị Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 858542 của UBND thành phố **BN** cấp ngày 28/6/2012 cho hộ ông Nguyễn Văn Tạ. Ngày 23/5/2017 Tòa án thành phố **BN** ra quyết định thông báo nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí đối với Ông Nguyễn Văn Th là vi phạm Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2014. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: Do bản án đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên về nội dung vụ án Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét đánh giá.

Xét thấy, do bản án sơ thẩm khi tuyên xử đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên việc kháng cáo của Ông Th là có căn cứ chấp nhận. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố **BN** giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Hủy bản án sơ thẩm số 25/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố **BN**. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố **BN** giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí, chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Nguyễn Trọng T, Ông Nguyễn Văn Th chưa phải chịu án phí, chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Các chi phí này sẽ được tuyên xử khi Tòa án nhân dân thành phố **BN** giải quyết lại vụ án.

Ông Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả Ông Th 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005060, ngày 08/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố **BN**.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh **BN**;
- TAND thành phố **BN**;
- Chi cục THADS thành phố **BN**;
- Các đương sự
- Lưu hs.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Bình